

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

Số: Y 86 / TLBD
Tỷ lệ 1/2000

Trích lục Bản đồ địa chính số 19, tỷ lệ 1/2000 xã Cao Thịnh (do vẽ năm 2006)

Địa điểm: xã Cao Thịnh - huyện Ngọc Lặc - tỉnh Thanh Hóa

Diện tích khu đất: 44255,0 m²

Trong đó: - Diện tích khu 1 là: 7163,0 m²

- Diện tích khu 2 là: 37092,0 m²

(Kèm theo bảng thống kê diện tích)

2218
800

400

600

552 800

2218
800

600

2218
400

BẢNG TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC

Điểm góc	X(m)	Y(m)
A1	2218850,66	552637,40
A2	2218766,12	552729,94
A3	2218571,73	552588,24
A4	2218539,71	552564,60
A5	2218598,06	552438,52
A6	2218659,57	552504,42
A7	2218741,86	552560,86
A8	2218709,46	552382,24
A9	2218642,51	552468,99
A10	2218603,92	552425,87
A11	2218647,79	552331,06

GHỊ CHÚ:

Ranh giới khu đất được xác định theo tọa độ (hệ VN2000) trong bản đồ vị trí kèm theo văn bản số: 01/CV-MH ngày 07 tháng 03 năm 2024 của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Minh Hưng - CAD
Ký hiệu đường đồng mức

Nền bản đồ địa chính
Ranh giới hành chính cấp xã
Ranh giới các đơn vị giáp ranh

Nhân thừa bán đồ địa chính

Nhân thừa bán đồ địa chính
RTS 7443, RTS 57 Nhân thừa bán đồ được cấp Giấy chứng nhận QSD đất (theo xác nhận của UBND xã Cao Thịnh tại văn bản số: 01/ĐC-CT ngày 20/2/2024)

* Trích lục bản đồ được lập theo đề nghị của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Minh Hưng - CAD để thực hiện dự án đầu tư: Sản xuất vật liệu xây dựng theo Văn bản số: 01/CV-MH ngày 07/03/2024; làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI THANH HÓA

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI THỰC HIỆN

Nguyễn Phạm Tuấn KIM

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 3 năm 2024

PHÒNG KỸ THUẬT ĐỊA CHÍNH
TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Công Diệp

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 3 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tinh



552 200

400

600

552 800

BẢNG THÔNG KÊ DIỆN TÍCH

Địa điểm: Xã Cao Thịnh - huyện Ngọc Lặc - tỉnh Thanh Hoá

(Kèm theo trích lục BĐDC số: 186 /TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 22 tháng 3 năm 2024)

Đơn vị tính: m²

Số TT	Tờ BĐ	Số thửa	Theo hồ sơ địa chính lập năm 2006 và xác nhận số 01/ĐC-CT ngày 20/2/2024 của UBND xã Cao Thịnh					Ghi chú
			Đối tượng QL, SD	Loại đối tượng	Diện tích ng/thửa	Diện tích dự án	Loại đất	
1	19	16	UBND	UBQ	143420.8	18568	NCS	
2	19	26	UBND	UBQ	664.8	619.2	BCS	
3	19	27	UBND	UBQ	44271.5	7127.5	BHK	
4	19	42	Nguyễn Văn Thủy	GDC	7445.3	7239	RTS	Theo công văn số 01/ĐC-CT ngày 20/2/2024 của UBND xã Cao Thịnh thì thửa số 42 trên BĐDC thể hiện loại đất là BHK nhưng theo GCN đã cấp thì loại đất là RTS
5	19	43	UBND	UBQ	1107.8	436.2	BCS	
6	19	57	Lê Đình Thành	GDC	2961.1	1235	RTS	Theo công văn số 01/ĐC-CT ngày 20/2/2024 của UBND xã Cao Thịnh thì thửa số 57 trên BĐDC thể hiện loại đất là BHK nhưng theo GCN đã cấp thì loại đất là RTS
7	19	67	UBND	UBS	17169.0	7296.5	BHK	
8	19	101	UBND	UBQ	31428.0	1112.8	BHK	
9	19	103	UBND	UBQ	37972.9	620.8	GT0	
Tổng cộng					44255.0			

Tổng diện tích dự án là: 44255.0 m²

Trong đó:

- Diện tích đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng là: 8474.0 m² (đất RTS: 8474.0 m²)
- Diện tích đất do UBND xã quản lý là: 35781.0 m² (đất GT: 620.8 m², đất NCS: 18568.0 m² đất BCS: 1055.4 m², đất BHK:15536.8 m²)

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người thực hiện

TP. Kỹ Thuật Địa Chính

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 3 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC



Luc Kiet

Hoàng Công Diệp

Ng. Phạm Tuấn Kiệt

Hoàng Công Diệp

Nguyễn Đình Tình

SKS 14,07

83,3

SKS

CSD 2024
SKS 8,73

HNK
SKC

HNK
SKC

ợng
HNK

HNK 2024
SKC 4,81